

**NGHỊ QUYẾT**

**Phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các công trình, dự án (bổ sung) năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN  
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 11**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ;*

*Xét Tờ trình số 209/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh dự thảo Nghị quyết phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các công trình, dự án (bổ sung) năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Báo cáo thẩm tra số 180/BC-HĐND ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện 04 công trình, dự án (bổ sung) năm 2022 với tổng diện tích **4,46** ha, đối tượng là rừng trồng thuộc quy hoạch rừng phòng hộ, rừng sản xuất và rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

*(Chi tiết có Phụ lục kèm theo)*

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn khóa X, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2022./.

**Nơi nhận:** *TL*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VPQH, VPCP, VPCTN;
- Ban Công tác đại biểu (*UBTVQH*);
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT. Tỉnh ủy, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- TT. Huyện (*thành*) ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã có CT, DA;
- LĐVP;
- Phòng Công tác HĐND;
- Lưu: VT, HS. *SL*

**CHỦ TỊCH**



---

**Phuong Thi Thanh**

**Phụ lục: Vị trí, diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của các công trình, dự án**

*(Kèm theo Nghị quyết số 57 /NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn)*

TT	Tên công trình	Vị trí, đối tượng rừng chuyển mục đích sử dụng						Tổng diện tích rừng chuyển đổi (ha)
		Rừng phòng hộ		Rừng sản xuất		Ngoài quy hoạch 3 loại rừng		
		Diện tích (ha)	Vị trí rừng chuyển mục đích sử dụng rừng	Diện tích (ha)	Vị trí rừng chuyển mục đích sử dụng rừng	Diện tích (ha)	Vị trí rừng chuyển mục đích sử dụng rừng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9=(3+5+7)
1	Công trình Sửa chữa, cải tạo các vị trí mất ATGT tại Km 172 + 100 - Km 172 + 900; Km 178 + 500 - Km 179 + 600 QL3B, tỉnh Bắc Kạn			0,57	- Tại các lô 45, 50, 65, 70 (14, 16, 20, 22), khoảnh 10, tiểu khu 293, thuộc xã Đồng Thắng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. - Tại các lô 13, 17, 32, 59, 63, 66, 145 (5, 12, 18, 19), khoảnh 4, tiểu khu 294, thuộc xã Phương Viên, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.	0,21	- Tại các lô 10, 21, khoảnh 10, tiểu khu 293, thuộc xã Đồng Thắng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn	0,78
2	Công trình Sửa chữa, cải tạo các vị trí mất an toàn giao thông tại Km145 +200 - Km145 + 600; Km157+200 - Km157+600; Km160+00 - Km161+00; Km161+100 - Km161+900 QL.3B, tỉnh Bắc Kạn			0,23	- Tại lô 1 (1), khoảnh 3, tiểu khu 390; các lô 7, 13 (1, 2), khoảnh 11, tiểu khu 393; các lô 1, 2, 8, 11 (1, 2, 4), khoảnh 11, tiểu khu 393, thuộc xã Dương Phong, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn	0,13	- Tại các lô 2, 7, khoảnh 2, tiểu khu 340, thuộc phường Sông Cầu, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn - Tại các lô 2, 4, 5, khoảnh 3, tiểu khu 390, xã Dương Phong, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn	0,36
3	Dự án Đầu tư khai thác quặng sắt khu vực Bản Quân, xã Ngọc Phái, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn			2,06	- Tại các lô 64, 67, 75 (1, 2, 3, 5, 6, 7, 8), khoảnh 2, tiểu khu 278; tại các lô 21, 30 (1, 2), khoảnh 5, tiểu khu 278, thuộc xã Ngọc Phái, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn	0		2,06

4	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng vùng trồng cây ăn quả, cây công nghiệp lâu năm trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (Các tuyến xã Cao Kỳ, huyện Chợ Mới và xã Quang Thuận, huyện Bạch Thông)	0,02	Tại lô số 22 (3), khoảnh 7, tiểu khu 418, thuộc xã Cao Kỳ huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn	0,99	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại xã Cao kỳ, huyện Chợ Mới:</li> <li>+ Tại các lô 6, 9, 14, 19, 37, 46 (1, 2, 4, 8, 9, 10), khoảnh 6, tiểu khu 414.</li> <li>+ Tại lô 42 (4), khoảnh 1, tiểu khu 418.</li> <li>+ Tại các lô 7, 16, 19, 23, 31, 36, 81, 113, 119 (1, 3, 4, 6, 13, 15, 17, 19, 22), khoảnh 6, tiểu khu 418.</li> <li>+ Tại các lô 7, 10, 20 (4, 5, 11), khoảnh 5, tiểu khu 418.</li> <li>+ Tại lô số 23 (2), khoảnh 7, tiểu khu 418.</li> <li>+ Tại các lô 7, 11 (8, 10), khoảnh 6, tiểu khu 415.</li> <li>+ Tại lô 19 (1), khoảnh 5, tiểu khu 415.</li> <li>+ Tại các lô 23, 47, 52 (3, 5, 6), khoảnh 3, tiểu khu 415.</li> <li>- Tại xã Quang Thuận, huyện Bạch Thông:</li> <li>+ Tại các lô 132, 142 (27, 29B), khoảnh 3, tiểu khu 391.</li> <li>+ Tại các lô 60, 63, 68, 69, 70, 73 (3, 5), khoảnh 5, tiểu khu 388.</li> </ul>	0,25	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại xã Cao kỳ, huyện Chợ Mới: Tại các lô 2, 3, 7, 10, khoảnh 5; lô 9, khoảnh 6, tiểu khu 418.</li> <li>- Tại xã Quang Thuận, huyện Bạch Thông:</li> <li>+ Tại các lô 22A, 26, 44, khoảnh 3, tiểu khu 391.</li> <li>+ Tại lô 5, khoảnh 7, tiểu khu 392.</li> </ul>	1,26
	<b>Tổng cộng</b>	<b>0,02</b>		<b>3,85</b>		<b>0,59</b>		<b>4,46</b>